

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO THEO TQM Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN QUÝ NHÃN*

Ngày nhận bài: 15/08/2016; ngày sửa chữa: 30/08/2016; ngày duyệt đăng: 14/09/2016.

Abstract: Total Quality Management (TQM) refers to management methods used to enhance quality and productivity in business organizations as well as education institutions. TQM is a comprehensive management approach that works horizontally across an organization, involving all departments and employees and extending backward and forward to include both suppliers and customers. The article mentions situation of management of training quality under TQM at the College of Commerce and proposes solutions to improve training quality of the College and meet the demands of society.

Keywords: Management, training quality, TQM (Total Quality Management), College of Commerce.

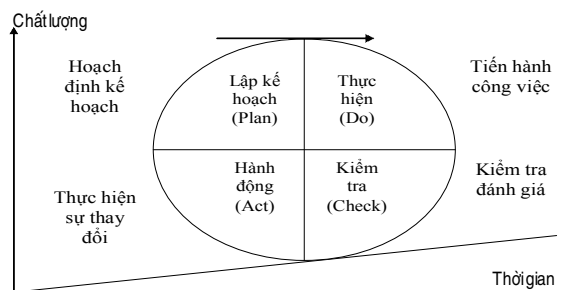
Trường Cao đẳng Thương mại có nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, cung cấp nguồn nhân lực cho sự phát triển của ngành Thương mại trong cả nước, đặc biệt là ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên. Qua hơn 40 năm xây dựng và trưởng thành, nhà trường đã đào tạo được trên 50 ngàn sinh viên (SV) bậc cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và nghề, góp phần đáng kể vào sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, uy tín của nhà trường ngày càng được nâng cao. Nhà trường hiện đang đào tạo các hệ: Cao đẳng, Cao đẳng liên thông, Trung cấp chuyên nghiệp và Bồi dưỡng ngắn hạn. Trước xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, xuất phát từ những đòi hỏi ngày càng khốc liệt của sự cạnh tranh, vấn đề chất lượng và quản lý chất lượng đã và đang đặt ra ngày càng cấp bách, đòi hỏi sự phấn đấu nỗ lực của toàn thể đội ngũ cán bộ cán bộ quản lý và giảng viên (GV), nhân viên của nhà trường. Đổi mới hoạt động về mọi mặt nói chung, đổi mới quản lý chất lượng đào tạo theo TQM nói riêng đã và đang được triển khai một cách tích cực, đồng bộ ở Trường Cao đẳng Thương mại.

1. TQM và sự vận dụng TQM trong quản lý chất lượng đào tạo

Thuật ngữ “Quản lý chất lượng tổng thể” được tiến sĩ A.V. Faygenbaum đưa ra từ những năm 50 của thế kỉ XX khi ông đang làm việc tại hãng General Electric. Từ đó, TQM luôn được các nhà nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục bàn đến và từ những năm 90 của thế kỉ XX trở lại đây, TQM đã trở thành tâm điểm chú ý của các nhà trường, vì TQM là mô hình quản lý toàn bộ quá trình đào tạo để đảm bảo chất lượng từ đầu vào, quá trình, đầu ra (kết quả và khả năng thích ứng về lao động và việc làm).

Mặc dù có nhiều định nghĩa khác nhau về TQM, song triết lý chung của TQM là mọi người bất kì ở cương vị nào, vào bất kì thời điểm nào cũng đều là người quản lý chất lượng của phần việc mình được giao và hoàn thành nó một cách tốt nhất, với mục đích tối cao là thỏa mãn nhu cầu của khách hàng. Mục tiêu của TQM là cải tiến chất lượng sản phẩm và thỏa mãn mọi khách hàng ở mức tốt nhất cho phép, nó đòi hỏi sự tham gia của tất cả mọi người ở tất cả các khâu, các bộ phận, nó là sự kết hợp tinh chuyên nghiệp cao và khả năng quản trị, tổ chức một cách đúng đắn. TQM là sự kết hợp đồng bộ giữa quản trị chất lượng và quản trị năng suất để thực hiện mục tiêu là đạt đến sự hoàn thiện “sản phẩm không sai lỗi” và “làm đúng ngay từ đầu”.

TQM là một mô hình quản lý chất lượng rất linh hoạt, không có một chuẩn chung cho mọi tổ chức, việc quản lý chất lượng đào tạo theo TQM phải được thực hiện theo chu trình cải tiến liên tục PDCA (còn gọi là vòng tròn Deming, do W.E.Deming - chuyên gia người Mỹ về chất lượng đề xuất). Cải tiến liên tục là nguyên tắc cơ bản của TQM (xem sơ đồ 1).



Sơ đồ 1. Mô hình quản lý chất lượng tổng thể

* Trường Cao đẳng Thương mại

Vòng tròn Deming là trình tự không thể thiếu để thực hiện có hiệu quả bất kỳ một công việc nào theo nguyên tắc cải tiến liên tục. Trong đó: - P (Plan - Hoạch định/Lập kế hoạch). Đây là giai đoạn đầu tiên của quản lý chất lượng, việc hoạch định chất lượng chính xác, đầy đủ sẽ giúp định hướng tốt các hoạt động tiếp theo, đây là hoạt động xác định mục tiêu và phương tiện nguồn lực và biện pháp nhằm thực hiện mục tiêu chất lượng sản phẩm; - D (Do - Thực hiện). Đây là bước triển khai thực hiện kế hoạch, để thực hiện kế hoạch cần thu thập thông tin, chuẩn bị các điều kiện cần thiết, phân công và huy động lôi kéo mọi người cùng tham gia và tiến hành các hoạt động cải tiến hay đổi mới; - C (Check - Kiểm tra), kiểm tra là việc so sánh, xác định độ sai lệch giữa kế hoạch được thiết kế với việc thực hiện, để từ đó có thể kịp thời uốn nắn các sai lệch, hoặc có thể điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết và rút ra những bài học kinh nghiệm. Cần kiểm tra theo định kỳ để phát hiện kịp thời các sai lệch, xác định nguyên nhân và điều chỉnh. Việc kiểm tra căn cứ vào nguồn thông tin phản hồi từ mọi người, phản ứng từ các khách hàng của quá trình đào tạo như: SV, cha mẹ của họ, các trường dạy nghề và các doanh nghiệp cũng như các chỉ tiêu về môi trường làm việc, những vấn đề về nhận thức nổi cộm; - A (Action - Hành động khắc phục/cải tiến). Đây là những hành động khắc phục và phòng ngừa các nguyên nhân chính dẫn đến những trục trặc, sai lệch đã thống kê được qua kiểm tra trên cơ sở các bài học kinh nghiệm đã rút ra. Không để các nguyên nhân đó tái diễn và đồng thời cũng đề ra các biện pháp để đề phòng những sai sót mới xuất hiện.

Nhìn chung, những nghiên cứu và vận dụng TQM trong GD-ĐT trên thế giới đã được quan tâm theo các khía cạnh khác nhau: - Quản lý chất lượng đầu ra theo hướng cam kết đảm bảo chất lượng đào tạo với thị trường lao động, thị trường tuyển dụng; - Kiểm soát mọi khâu trong quá trình GD-ĐT nhằm phòng ngừa những rủi ro, cải tiến liên tục để nâng cao chất lượng GD-ĐT.

Ở Việt Nam, chất lượng đào tạo và quản lý chất lượng đào tạo đã thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học về giáo dục, các nhà quản lý giáo dục. Những nghiên cứu và vận dụng TQM trong giáo dục - đào tạo ở Việt Nam phần lớn tiếp cận theo hướng quản lý hệ thống các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo của đơn vị nhà trường theo các tiêu chuẩn, tiêu chí đã xây dựng ở các cấp học khác nhau nhằm đánh giá đơn vị đào tạo, cơ sở giáo dục hoặc làm căn cứ để cơ sở giáo dục tự đánh giá nhà trường hay cơ sở giáo dục

nhằm tìm kiếm các biện pháp để cải tiến chất lượng giáo dục.

2. Vận dụng TQM trong quản lý chất lượng đào tạo ở Trường Cao đẳng Thương mại

2.1. Thực trạng chất lượng đào tạo ở Trường Cao đẳng Thương mại

2.1.1. Về tuyển sinh: Trong những năm qua, nhà trường đã từng bước ổn định và phát triển, tạo dựng được uy tín trong khu vực. Công tác tuyển sinh của nhà trường được tổ chức khoa học, khách quan, theo đúng quy định của Bộ GD-ĐT. Tuy nhiên quy mô tuyển sinh có xu hướng giảm do tình hình tuyển sinh khó khăn chung của các trường cao đẳng trên cả nước cũng như khu vực miền Trung trong 3 năm gần đây, cụ thể (xem *bảng 1*).

Bảng 1. Kết quả tuyển sinh bậc cao đẳng từ 2013-2015

Năm	Chỉ tiêu	Thực hiện	So sánh		Điểm trúng tuyển
			Tăng %	Giảm %	
2013	1.700	1.738	2,2		10
2014	2.100	2.153	2,5		10
2015	1.800	1.126		37,4	12

Nguồn: Phòng Đào tạo, Trường Cao đẳng Thương mại

2.1.2. Về đội ngũ cán bộ quản lý và GV: Tổng số cán bộ viên chức nhà trường hiện nay là 238 người. Trong đó, có 2 tiến sĩ, 38 nghiên cứu sinh trong và ngoài nước, 131 thạc sĩ. Như vậy, đội ngũ cán bộ quản lý và GV có trình độ sau đại học chiếm 72%. Đây là con số tương đối cao với một trường cao đẳng. Tuy nhiên, số lượng GV có trình độ tiến sĩ còn khiêm tốn, GV dưới 30 tuổi chiếm 34,2%; từ 30-40 tuổi chiếm 44,7%, điều này cho thấy cả tuổi đời và tuổi nghề của đội ngũ GV còn khá trẻ nên kinh nghiệm giảng dạy chưa nhiều, chưa có điều kiện tiếp xúc với thực tiễn để bổ sung kiến thức cho bản thân cũng như giảng dạy gắn liền với thực tiễn.

2.1.3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị: Hiện nay tổng diện tích đất sử dụng của nhà trường là 20.960m², trong đó, diện tích sử dụng cho nơi làm việc là 5.964m², nơi học là 7.125m² và nơi vui chơi giải trí 8.065m², 56 phòng học, 5 phòng học máy tính và 2 phòng học ngoại ngữ, 7 phòng thực hành, tất cả các phòng học đều được trang bị máy chiếu, máy tăng âm và đảm bảo đầy đủ ánh sáng, thông thoáng, các phòng thực hành của các khoa liên tục được trang bị thêm và sửa chữa, nâng cấp để có thể phục vụ cho yêu cầu của chương trình đào tạo. Phòng làm việc và trang thiết bị hỗ trợ cho cán bộ, GV làm việc cơ bản đầy đủ, các phòng làm việc đều được trang bị máy lạnh, máy tính, hệ thống chiếu sáng phù hợp. Kí túc xá của trường với

62 phòng có tổng diện tích là 3.189m² đủ đáp ứng cho chỗ ở của 500 SV, bên cạnh đó, nhà trường cũng có nhà ăn tập thể, nhà thi đấu đa năng, sân bóng đá, bóng chuyền, cầu lông phục vụ đầy đủ cho các hoạt động giảng dạy, học tập, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao trong trường. Trường có thư viện với diện tích sử dụng 244,4m²; có phòng đọc dành riêng cho GV và SV, khu vực truy cập internet và kho lưu trữ sách, báo, tạp chí... Hiện nay, thư viện có 1.542 đầu sách trên 8.075 cuốn sách, đủ tài liệu phục vụ cho 17 chuyên ngành đang đào tạo tại trường.

2.1.4. Kết quả học tập và rèn luyện của SV. Kết quả học tập, rèn luyện và tốt nghiệp của SV nhà trường tương đối cao. Năm học 2013-2014; 2015-2016 trung bình số SV có kết quả học tập loại giỏi và xuất sắc chiếm khoảng 30%, rèn luyện loại xuất sắc và tốt khoảng 35% và tỉ lệ SV tốt nghiệp hàng năm khoảng 83%, trong đó tỉ lệ SV tốt nghiệp loại giỏi và xuất sắc chiếm tỉ lệ khoảng 64,5%, cơ bản đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực của khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

2.2. Giải pháp quản lý chất lượng đào tạo theo TQM ở Trường Cao đẳng Thương mại

2.2.1. Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng quản lý đào tạo: Để tăng cường quản lý chất lượng đào tạo theo TQM, ngày 16/06/2016, hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại đã ký *Quyết định số 205/QĐ-CĐTM về việc ban hành quy định, xây dựng, rà soát, tu chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo.* Trong đó xác định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung xây dựng, rà soát, tu chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo, nhằm từng bước hoàn thiện công tác quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo, cụ thể:

- **Mục tiêu:** xây dựng chuẩn đầu ra với các yêu cầu tối thiểu mà người học phải đạt được làm cơ sở cho việc phát triển chương trình và tổ chức đào tạo; xây dựng chương trình đào tạo nhằm tạo ra những nội dung quy chuẩn của một hoạt động đào tạo cụ thể nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo của từng ngành, chuyên ngành; khóa học; rà soát, tu chỉnh để hoàn thiện chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo tốt nhất cho người học.

- **Nguyên tắc:** + Phù hợp với các quy định, hướng dẫn của Bộ GD-ĐT hoặc Bộ quản lý chuyên môn; + Phù hợp với sứ mạng của nhà trường và các yêu cầu đảm bảo chất lượng đào tạo của Bộ quản lý chuyên môn; + Phải dựa

vào dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội và tham khảo chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của các trường uy tín, tham khảo ý kiến của các nhà khoa học, GV, cán bộ quản lý, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và một số SV đã tốt nghiệp; + Đảm bảo tính hệ thống và liên thông giữa các chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học trong kế hoạch phát triển chương trình đào tạo của nhà trường.

- **Nội dung của chuẩn đầu ra,** gồm: tên ngành đào tạo, trình độ đào tạo; yêu cầu về kiến thức (tri thức chuyên môn, năng lực nghề nghiệp); yêu cầu về kỹ năng (*kỹ năng cứng:* kỹ năng chuyên môn; năng lực thực hành nghề nghiệp; kỹ năng xử lý tình huống; giải quyết vấn đề, *kỹ năng mềm:* kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học); yêu cầu về thái độ (phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, trách nhiệm đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ, khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc); xác định vị trí, vai trò, công việc của người học sau khi tốt nghiệp; khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường.

- **Nội dung của chương trình đào tạo** gồm 2 phần: **Phần 1:** Chương trình đào tạo (phần chung), gồm: mục tiêu và thời gian đào tạo; khối lượng kiến thức toàn khóa; đối tượng tuyển sinh; quy trình đào tạo; điều kiện tốt nghiệp; thang điểm; tên và khối lượng học phần; phân phối thời gian toàn khóa; kế hoạch giảng dạy từng học kỳ và tiến trình học; hướng dẫn thực hiện chương trình; **Phần 2:** Đề cương chi tiết học phần (phần riêng), gồm: thông tin chung về học phần và GV; mục tiêu học phần; tóm tắt nội dung học phần; số tiết lý thuyết và thực hành; tài liệu học tập; lịch trình tổ chức dạy học; chính sách đối với từng học phần; phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học phần (xem *bảng 2*).

Bảng 2. Nội dung chương trình đào tạo (95 tín chỉ, chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh)

Khối lượng kiến thức toàn khóa	Kiến thức giáo dục đại cương	Trong đó								
		Tổng số	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp						Kiến thức bổ trợ	Thực tập tốt nghiệp và viết báo cáo thực tập tốt nghiệp
			Kiến thức cơ sở			Kiến thức ngành				
			Kiến thức cơ sở khối ngành	Kiến thức cơ sở nhóm ngành	Kiến thức cơ sở ngành	Kiến thức chung của ngành	Kiến thức chuyên sâu của ngành			
95	29	66	3	2	9	24	20	3	5	

2.2.2. *Quản lý theo sát mọi quá trình.* Cần xây dựng cơ chế quản lý trong mọi khâu của quá trình đào tạo (như: xây dựng chương trình; kế hoạch dạy học của GV; đề cương chi tiết học phần; đề cương chi tiết bài giảng; lịch trình dạy học theo tín chỉ; vấn đề tự học của SV,...) thường xuyên giám sát tất cả các khâu trong quá trình đào tạo nhằm điều chỉnh kịp thời những bất hợp lý; huy động cán bộ, GV, nhân viên cùng tham gia quản lý nhằm phát huy quyền tự chủ của mỗi thành viên trong nhà trường. Hoạt động quản lý phải được thực hiện một cách thường xuyên, liên tục trong mọi khâu của quá trình đào tạo nhằm tạo động lực cho sự phát triển. Việc phát triển đội ngũ GV, nhân viên phải đáp ứng cả về số lượng và chất lượng phục vụ cho hoạt động đào tạo của nhà trường, của chương trình đào tạo. Vấn đề quản lý việc học tập của SV cần thực hiện một cách cụ thể, theo đơn vị lớp để luôn nắm bắt được sự tiến bộ, cũng như những tồn tại, hạn chế để kịp thời biểu dương, nhắc nhở giúp SV kịp thời khắc phục những khuyết điểm, tồn tại, cũng như phát huy những ưu điểm một cách tốt nhất, hạn chế tình trạng bỏ học, hoặc phải dừng tiến độ học tập của SV; cần có chính sách phòng ngừa những rủi ro trong quá trình đào tạo. Nhà quản lý phải luôn tự đánh giá về nhà trường, cơ sở giáo dục, có dự báo, định hướng, về kế hoạch, chiến lược phát triển dài hạn.

2.2.3. *Cam kết thực hiện chính sách đảm bảo chất lượng đào tạo:* Cần cung cấp các “dịch vụ đào tạo” tốt nhất cho SV trước, trong và sau quá trình đào tạo, phát huy môi trường làm việc công khai, minh bạch, không ngừng nâng cao đời sống của cán bộ, viên chức, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, viên chức đạt chuẩn theo yêu cầu nghề nghiệp và thực tiễn đòi hỏi của xã hội hiện tại. Để có thể cung ứng nguồn lao động có chất lượng cao đáp ứng được nhu cầu thị trường lao động, cần liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình đào tạo; nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, tăng cường công tác quản lý tài chính, quản lý các hoạt động dịch vụ, các bộ phận, các đơn vị phòng ban cần cam kết thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và nâng cao năng suất, hiệu quả công việc được giao; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị từng bước tiếp cận với chuẩn khu vực và quốc tế; thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng dạy nghề, quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quy định.

2.2.4. *Cải tiến chất lượng đào tạo:* Thường xuyên tự đánh giá nhà trường để phát hiện điểm mạnh, điểm yếu từ đó có kế hoạch phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đổi mới quản lý đào tạo, phát huy vai trò GV, cán bộ nhân viên,

SV trong quá trình quản lý. Đổi mới quá trình tuyển sinh nhằm nâng cao chất lượng đầu vào của người học tạo nền tảng tốt cho quá trình đào tạo và đảm bảo chất lượng giáo dục, đổi mới quá trình đào tạo theo tiếp cận năng lực của người học, đánh giá chất lượng đào tạo theo chuẩn đầu ra, thường xuyên hoàn thiện, phát triển chuẩn đầu ra theo nhu cầu xã hội và yêu cầu của nhà tuyển dụng.

2.2.5. *“Xã hội hóa” chất lượng đào tạo:* Cần xây dựng cơ chế thuận lợi để tất cả mọi thành viên, mọi tổ chức trong nhà trường đều được tham gia, đánh giá, góp ý để hoàn thiện chương trình đào tạo, xây dựng chiến lược, kế hoạch và đầu tư thích đáng cho các hoạt động học thuật phù hợp với mục tiêu, nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phát huy quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội với tất cả mọi thành viên trong nhà trường; tăng cường xây dựng khối đoàn kết, hợp tác giữa các tổ chức các thành viên trong nhà trường vì mục tiêu chung; thiết lập cơ cấu tổ chức và phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị, xây dựng cơ chế điều hành, phối hợp hoạt động và đánh giá chính xác những đóng góp tích cực hiệu quả của các đơn vị chức năng trong nhà trường; thực hiện các quyền dân chủ toàn diện đối với đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên và người học; xây dựng cơ chế, chính sách và biện pháp để cán bộ, GV, nhân viên và người học thực hiện đầy đủ, chất lượng và hiệu quả trách nhiệm đối với nhà trường và xã hội; xây dựng các quy tắc ứng xử tôn trọng, hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên trong nhà trường.

Mục tiêu của quản lý chất lượng đào tạo theo TQM là nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường, gắn đào tạo với sử dụng nguồn nhân lực hướng tới mục tiêu phát triển chất lượng đào tạo, xây dựng môi trường văn hóa chia sẻ, hợp tác giữa các thành viên trong nhà trường, từ nhà quản lý đến GV, nhân viên và SV cùng cam kết thực hiện để đảm bảo chất lượng đào tạo.

* * *

Như vậy, quản lý chất lượng tổng thể mặc dù được nghiên cứu và vận dụng bắt đầu từ lĩnh vực sản xuất - kinh doanh, tuy nhiên nó là một mô hình quản lý chung, phù hợp cho mọi tổ chức, trong giai đoạn hiện nay. Việc quản lý nhà trường theo tiếp cận TQM là một cách đổi mới tư duy quản lý đào tạo khá mới mẻ; đây được coi như là phương tiện, cách thức để đạt mục đích nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, cách quản lý khoa học, chặt chẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường đáp ứng nhu cầu xã hội hiện nay. □

(Xem tiếp trang 14)

3.3. Nguyên nhân những khó khăn của CBQL, GV khi sử dụng Bộ Chuẩn PTTE 5 tuổi hỗ trợ thực hiện Chương trình GDMN. Các ý kiến của CBQL và GVMN về nguyên nhân của những khó khăn khá thống nhất, cụ thể: - Có 58,8% CBQL và 49,3% GVMN cho rằng khó khăn khi Chương trình GDMN chia 5 lĩnh vực còn Bộ Chuẩn chia 4 lĩnh vực. Điều này làm cho GV lúng túng trong xác định mục tiêu xây dựng kế hoạch giáo dục năm học cũng như mục tiêu kế hoạch giáo dục chủ đề; - Có 64,2% ý kiến của CBQL và 54,4% ý kiến của GVMN cho rằng không tương đồng giữa kết quả mong đợi trong CTGDMN và các chỉ số của Bộ Chuẩn PTTE 5 tuổi như một số nội dung trong Chương trình có mà kết quả mong đợi và chỉ số của Bộ Chuẩn không có.

Trong bộ chuẩn PTTE 5 tuổi một số chỉ số trong Bộ Chuẩn có nhưng trong chỉ đạo lại không được thực hiện (chuẩn về làm quen với chữ cái: tô, đồ nét). Một số chỉ số có ngôn ngữ diễn đạt chưa rõ ràng, còn có chỗ khó hiểu (33,5% ý kiến GVMN)

Về sử dụng bộ công cụ để theo dõi sự phát triển của trẻ một số GV cho rằng có nhiều loại phiếu (phiếu cá nhân, lớp,...) làm cho GV mất thời gian ghi chép, hoàn thành phiếu. Việc phối hợp giữa GV và phụ huynh trong việc giúp trẻ thực hiện các chỉ số của Bộ Chuẩn cũng gặp khó khăn do phụ huynh còn chưa thực sự hiểu và quan tâm đến Bộ Chuẩn.

* * *

Tóm lại: Việc chỉ đạo triển khai Bộ Chuẩn đã được thực hiện khá đồng bộ từ Bộ GD-ĐT đến các cơ sở GDMN. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện đã thận trọng triển khai dần từ diện thí điểm đến đại trà ra toàn quốc. Đã tổ chức các lớp tập huấn từ cấp Trung ương đến cấp Sở, cấp quận/huyện cho CBQL, GVMN 5 tuổi, qua đó đã nâng cao nhận thức của đội ngũ về Bộ Chuẩn, đặc biệt là trang bị kiến thức và kĩ năng sử dụng Bộ Chuẩn cho GV để hỗ trợ thực hiện Chương trình GDMN.

Trong quá trình sử dụng Bộ Chuẩn CBQL, đặc biệt là GV đã đánh giá Bộ Chuẩn có hỗ trợ tốt cho GV trong xây dựng kế hoạch giáo dục năm, kế hoạch giáo dục chủ đề. Căn cứ vào các chỉ số của Bộ Chuẩn GV xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung giáo dục dễ dàng hơn.

Bộ Chuẩn PTTE 5 tuổi cũng đã hỗ trợ GV xây dựng bộ công cụ để theo dõi sự phát triển của trẻ, từ đó giúp GV kịp thời điều chỉnh kế hoạch phù hợp với kinh nghiệm, năng lực của trẻ. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số khó khăn trong sử dụng Bộ Chuẩn. Nguyên

nhân của những khó khăn đó thuộc về (+) Nhận thức và năng lực của GVMN (+) Chỉ đạo và hướng dẫn sử dụng Bộ Chuẩn của các cấp quản lí (+) Điều kiện thực hiện Bộ Chuẩn ở các cơ sở GVMN và các địa phương (+) Về cấu trúc nội dung và hình thức trình bày Bộ Chuẩn... Những nguyên nhân của khó khăn nói trên sẽ là những căn cứ quan trọng để chúng ta đề xuất được các giải pháp điều chỉnh nâng cao hiệu quả sử dụng Bộ Chuẩn trong thời gian tới. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2010). *Quy định về Bộ Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi* (ban hành kèm theo Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT ngày 23/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- [2] Bộ GD-ĐT (2012). *Công văn số 4450/BGDĐT-GDMN hướng dẫn triển khai kế hoạch thực hiện đại trà Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi*, ngày 12/7/2012.
- [3] Sở GD-ĐT Thái Nguyên (8/2015). *Báo cáo việc thực hiện bộ Chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi của phòng Mầm non*.
- [4] Sở GD-ĐT Cần Thơ (8/2015). *Báo cáo việc thực hiện bộ Chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi của phòng Mầm non*.
- [5] Sở GD-ĐT Nghệ An (8/2015). *Báo cáo việc thực hiện bộ Chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi của phòng Mầm non*.

Quản lí chất lượng đào tạo...

(Tiếp theo trang 29)

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Đình Phan (2005). *Quản lí chất lượng trong các tổ chức*. NXB Lao động - Xã hội.
- [2] Nguyễn Đức Chính (2002). *Kiểm định chất lượng trong giáo dục đại học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] Nguyễn Đức Chính (2003). *Chất lượng và kiểm định chất lượng trong cơ sở giáo dục đào tạo*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Phan Văn Kha (2002). *Ứng dụng mô hình quản lí chất lượng ISO 9000 trong quản lí đào tạo sau đại học ở Việt Nam - Chiến lược phát triển giáo dục trong thế kỉ XXI - Kinh nghiệm của các quốc gia*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [5] Trần Khánh Đức (2004). *Quản lí và kiểm định chất lượng đào tạo nhân lực theo ISO&TQM*. NXB Giáo dục.
- [6] Trần Kiểm (2002). *Tiếp cận hiện đại trong quản lí giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.
- [7] Trường Cao đẳng Thương mại (2016). *Quyết định số 205/QĐ-CĐTM về việc ban hành quyết định xây dựng, rà soát, tu chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo*.